

Số: 26/2025/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: bà Võ Thị Ngọc Dung

ông Phùng Anh Dũng

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 45/2025/QĐST-HC ngày 02/6/2025. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143; Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa:

1. Người khởi kiện: bà **Thân Thị Thanh T**, sinh năm 1965; địa chỉ: **số C đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường B, thành phố Đà Nẵng)**.

2. Người bị kiện:

2.1. **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** (nay là thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phan Thái B** – Phó Chủ tịch Thường trực **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** (nay là thành phố Đà Nẵng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông **Nguyễn Trường S** – Phó Giám đốc **Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q** (nay là thành phố Đà Nẵng).

2.2. **Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng)**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1960; địa chỉ: **đội B, thôn Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường B, thành phố Đà Nẵng)**.

3.2. Ông **Hoàng Xuân Đ**, sinh năm 1943; địa chỉ: **số C P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường B, thành phố Đà Nẵng)**.

3.3. Ông **Trần Thanh S1**, sinh năm 1976; ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1984; bà **Trần Thị Diệu H1**, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: **số nhà B P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (nay là phường B, thành phố Đà Nẵng).

3.4. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1945; bà **Thân Thị Thu M**, sinh năm 1968; ông **Thân Văn D1**, sinh năm 1970; bà **Thân Thị Tuyết M1**, sinh năm 1973; ông **Thân Oanh Hoàng V**, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: **số C P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (nay là phường B, thành phố Đà Nẵng).

3.5. Công ty Cổ phần **M2**; địa chỉ: **số G P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng).

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 06/6/2025 và Đơn bổ sung đơn kháng cáo đề ngày 12/7/2025 của bà **Thân Thị Thanh T** yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 45/2025/QĐST-HC ngày 02/6//2025, với lý do: Luật Đất đai năm 1993 không quy định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay thì không có giá trị pháp lý; Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông **Thân T1** và gia đình không kê khai tại thời điểm kiểm kê năm 2004 là không phù hợp trong việc bảo vệ quyền sử dụng đất và tài sản hợp pháp cho công dân; Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Bà đã biết Quyết định hành chính từ năm 2012 nhưng không khởi kiện trong thời hạn luật định là không có căn cứ; việc **UBND tỉnh Q** (cũ) thu hồi diện tích đất của bà **P** 6.758m² nhưng không bồi thường diện tích đất là không đúng với quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Bà **Thân Thị Thanh T** cho rằng cha bà là ông **Thân T1** (đã chết), cùng với ông **Hoàng Xuân Đ** và ông **Trần Thanh K** (đã chết) đã nhận chuyển nhượng diện tích 6.758m² đất từ bà **Trần Thị P** vào năm 1996, bao gồm các thửa đất số 25, 37, 42 và 550 cây bạch đàn tại khu vực đồi ông **S2**. Tuy nhiên, theo “*Giấy nhượng các lô bạch đàn*” lập ngày 06/6/1996, Hội đồng xét xử nhận thấy việc chuyển nhượng này không đảm bảo điều kiện pháp lý theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 1993. Cụ thể, vào thời điểm lập Giấy chuyển nhượng, bà **P** không phải là người có quyền sử dụng hợp pháp để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Mặt khác, sau khi nhận chuyển nhượng, ông **Thân T1** và gia đình không thực hiện việc quản lý, sử dụng đất, cũng không tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2] Về quá trình quản lý và thu hồi đất: vào tháng 9 năm 2004, **UBND xã T** và **Công ty M2** đã tiến hành kiểm kê tài sản trên khu vực đất đồi ông **S2**, bao gồm cả diện tích 6.758m² nêu trên. Tuy nhiên, ông **Thân T1** và gia đình không kê khai quyền sử dụng đất hay tài sản gắn liền với đất tại thời điểm này. Đến ngày 29/11/2004, **UBND tỉnh Q** ban hành Quyết định số 4959/QĐ-UB thu hồi 55.906m² đất tại khu vực đồi ông **S2**, trong đó bao gồm phần diện tích do bà **Trần Thị P** kê khai sử dụng. Bà **P** đã được bồi thường cây cối trên đất theo Biên bản kiểm kê ngày 10/9/2004 với số tiền 7.817.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này vào ngày

28/10/2004. Việc thu hồi đất và bồi thường được thực hiện đúng quy trình, thủ tục pháp luật tại thời điểm đó. Trường hợp bà **T** cho rằng bà **P** đã chuyển nhượng đất cho ông **Thân T1** nhưng vẫn nhận bồi thường thì đây là quan hệ dân sự; nếu có căn cứ, bà **T** có thể khởi kiện vụ án dân sự để được giải quyết.

[3] Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng việc thu hồi diện tích đất nêu trên đã được chính quyền địa phương công khai thông báo. Cụ thể, tại Thông báo số 56-TB ngày 03/12/2012 của UBND phường **H** – văn bản trả lời đơn tố cáo của bà **T** đã nêu rõ: phần đất này đã bị UBND tỉnh thu hồi từ năm 2004 và giao cho Công ty **M2** để xây dựng nghĩa trang. Bà **Thân Thị Thanh T** đã nhận được thông báo này, nhưng không thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định mà chỉ làm Đơn xin sao lục hồ sơ. Đến ngày 29/02/2021, bà **T** mới sao lục Quyết định số 4959/QĐ-UB và đến ngày 23/01/2022 mới nộp Đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ quyết định thu hồi đất.

[4] Việc bà **T** cho rằng bà chưa biết về quyết định hành chính này trước đó là không có cơ sở, bởi nội dung của quyết định đã được nêu rõ trong Thông báo số 56-TB ngày 03/12/2012. Do đó, năm 2012 được xác định là thời điểm bà **T** biết hoặc phải biết về quyết định hành chính bị kiện. Hơn nữa, bà **T** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh rằng trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2022, bà gặp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khiến bà không thể thực hiện quyền khởi kiện. Như vậy, không có căn cứ pháp lý để loại trừ thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện trong trường hợp này.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143; Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án hành chính do hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Thân Thị Thanh T**; giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 45/2025/QĐST-HC ngày 02/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng).

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà **Thân Thị Thanh T** được miễn không phải chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Dung

Phùng Anh Dũng

Trần Quốc Cường